

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
VIỆN TOÁN ỨNG DỤNG VÀ TIN HỌC

—o0o—



LẬP TRÌNH ANDROID

ĐỒ ÁN II

Chuyên ngành: TOÁN TIN

Chuyên sâu: Lập trình Android với React Native

Giảng viên hướng dẫn : **TS. Nguyễn Huy Trường**

Nhóm sinh viên thực hiện : **Nguyễn Bùi Nam Trường**

MSSV : **20185418**

HÀ NỘI, tháng ../2022

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN**1. Mục đích và nội dung của đồ án:**

-
-
-

2. Kết quả đạt được

-
-
-

3. Ý thức làm việc của sinh viên:

-
-
-

Hà Nội, ngày .. tháng .. năm 2022

Giảng viên

TS. Nguyễn Huy Trường

Lời nói đầu

Hà Nội, ngày .. tháng .. năm 2022

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Bùi Nam Trường

Mục lục

Lời nói đầu	2
1 Giới thiệu về Android	4
1.1 Khái niệm về Android	4
1.2 Kiến trúc của Android	5
2 Giới thiệu về React Native	7
2.1 Giới thiệu	7
2.2 Lịch sử phát triển	7
2.3 Lý do React Native được ưa chuộng	8
2.4 Nguyên lý hoạt động	9
2.5 Một số ứng dụng sử dụng react native	9
3 Xây dựng ứng dụng Android với React Native	10
3.1 Thiết lập môi trường	10
3.1.1 NodeJS	10
3.1.2 JDK	11
3.1.3 ReactNativeCLI	12
3.1.4 Android Studio	12
3.2 Xây dựng chương trình đầu tiên	12
3.3 Các khái niệm, thành phần	12
3.4 Một số thư viện phổ biến	12
3.5 Phát hành ứng dụng	12

1 Giới thiệu về Android

Như chúng ta biết, hiện tại đã có hơn nửa nhân loại sử dụng máy di động để thoại và giao tiếp qua các mạng không dây. Con số 3 tỉ người này sẽ còn tăng lên và máy di động càng ngày càng "thông minh" với nhiều chức năng và dịch vụ rất hấp dẫn, cho nên thị trường máy di động thông minh sẽ vượt xa máy vi tính trong một tương lai rất gần... Vì thế việc lập trình trên thiết bị di động ngày càng phổ biến và phát triển rất mạnh mẽ. Từ nền tảng mã nguồn mở, Google đã cho ra mắt Android chạy trên các thiết bị di động. Android có rất nhiều công cụ và dụng cụ miễn phí để nghiên cứu và phát triển phần mềm trên nền tảng của nó. Trong đề án này, ta sẽ tìm hiểu về Android và cách viết một ứng dụng trên nền tảng này.

1.1 Khái niệm về Android

Trước hết, Hệ điều hành (Operating System - OS) là phần mềm hệ thống quản lý phần cứng máy tính, phần mềm và cung cấp các dịch vụ chung cho các chương trình máy tính. Android là hệ điều hành dựa trên mã nguồn mở Linux OS cho các thiết bị di động và các thiết bị thông minh như máy tính bảng, laptop, netbook, smartbook, TV thông minh(Google TV),... Hiện nay, một số hệ điều hành cho thiết bị di động: Android, OS X (iPhone), Windows Mobile, Symbian,... Tuy nhiên, hệ điều hành được sử dụng nhiều nhất là Android và OS X.

Ngay từ khi ra mắt, Android đã gây ấn tượng mạnh khi đây là đứa con của Google sử dụng giấy phép mã nguồn mở. Android là sản phẩm kết tinh từ ý tưởng của Khối Liên minh thiết bị cầm tay mở do Google dẫn đầu, gồm 34 thành viên với các công ty hàng đầu về công nghệ và di động toàn cầu như Qualcomm, Intel, Motorola, Texas Instruments và LG Electronics, các nhà mạng như T-Mobile, Sprint Nextel, NTT DoCoMo và China Mobile.

Với đặc tính "mở", Android cho phép các nhà phát triển có thể sử dụng miễn phí bộ Kit Android Software Development để xây dựng các ứng dụng của mình. Ví dụ, một ứng dụng có thể gọi bất kì chức năng lõi của điện thoại như thực hiện gọi, gửi tin nhắn, sử dụng máy ảnh,... Điều này thực sự thu hút các nhà phát triển sáng tạo ra các phần mềm hấp dẫn, từ đó tạo ra một cộng đồng phát triển lớn - là nguyên nhân đến sự phổ biến của Android như hiện nay.

1.2 Kiến trúc của Android

Để bắt đầu lập trình với Android, chúng ta cần nghiên cứu qua bản thân HĐH Android, chúng ta không cần hiểu quá chi tiết, nhưng trước hết là cần có cái nhìn chung và toàn diện nhất về Android.

Android Platform bao gồm đầy đủ các tính năng HĐH Android, các ứng dụng và các tầng trung gian để nhà phát triển có thể mở rộng, tùy chỉnh thêm theo nhu cầu của họ. Có 4 tầng cơ bản trong HĐH Android: Linux Kernel, Native Libraries, Android Runtime, Application Framework,... Các tầng làm việc có sự liên kết với nhau.

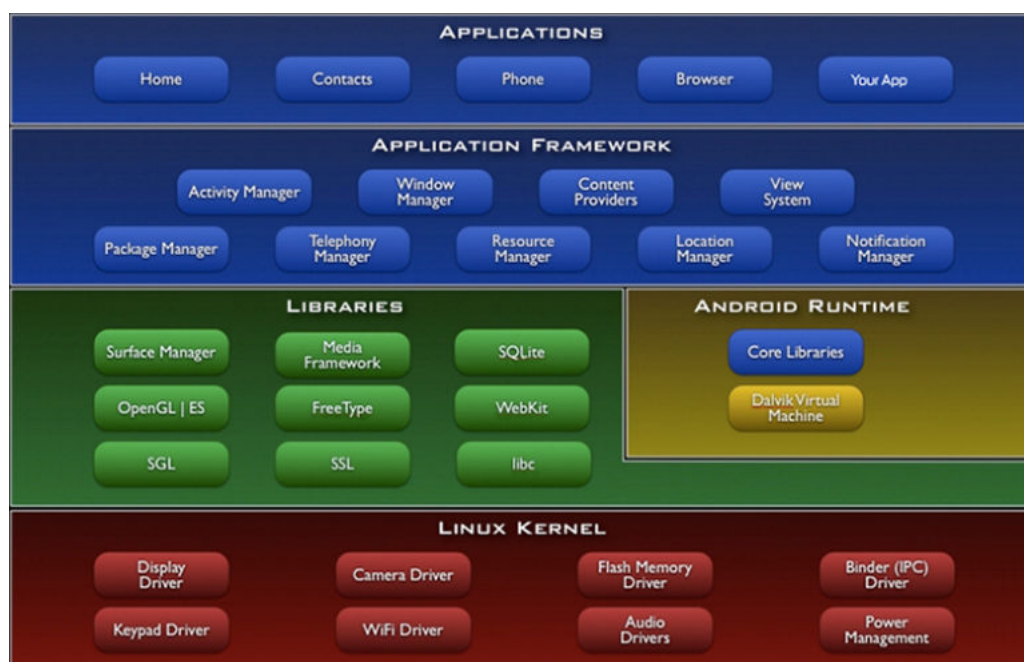
1. *Tầng Linux Kernel*: Đây là tầng nhân của HĐH Android, Linux Kernel giúp hệ điều hành có thể giao tiếp với phần cứng của thiết bị như: camera, USB, Wifi, Bluetooth, Display, Power Management,... Linux Kernel chịu trách nhiệm cho các trình điều khiển thiết bị, quản lý nguồn điện, quản lý bộ nhớ, quản lý thiết bị và truy cập tài nguyên. Kernel hoạt động như một lớp trừu tượng giữa phần cứng và phần mềm còn lại của hệ thống.
2. *Native Libraries*: Native Libraries là tập hợp của nhiều thư viện như WebKit, OpenGL, FreeType, SQLite, Media, SSL,...
3. *Tầng Android Runtime*: Android Runtime cung cấp một thành phần quan trọng được gọi là DVM (Dalvik Virtual Machine - máy ảo) có trách nhiệm chạy ứng

dụng android. DVM thực thi các file có định dạng .dex (Dalvik Executable), định dạng này là định dạng được tối ưu hóa về bộ nhớ.

DVM có phần tương tự như JVM (Java Virtual Machine) nhưng được tối ưu hóa cho các thiết bị di động như tiêu thụ ít bộ nhớ hơn và tăng hiệu suất hoạt động tốt hơn.

4. *Tầng Application Framework*: Application Framework bao gồm tập hợp những API cho phép các nhà phát triển ứng dụng được phép sử dụng các dịch vụ này trong các ứng dụng của họ.

Ở góc độ người dùng, ta có thêm tầng Application - là các ứng dụng do nhà phát triển ứng dụng viết. Dưới đây là sơ đồ tương quan liên kết giữa các tầng:



Hình 1: Sơ đồ tương quan liên kết giữa các tầng

2 Giới thiệu về React Native

2.1 Giới thiệu

React Native là một Framework, do công ty Công nghệ Meta (trước đây là Facebook) phát triển, nhằm giải quyết vấn đề về hiệu năng và việc phải sử dụng nhiều ngôn ngữ native trên nền tảng di động.

React Native cho phép xây dựng và phát triển ứng dụng native đa nền tảng một cách dễ dàng, khác với HTML5 App, Mobile Web App, Hybrid App. Mục đích khi tạo ra React Native là khắc phục các điểm yếu của ứng dụng web, giúp cho nhà lập trình tiết kiệm thời gian, công sức bởi sự hỗ trợ đắc lực từ JavaScript.

React Native là một trong những framework sử dụng cấu hình thiết kế tương tự như React. Có thể nói, biết về React là biết được 80% về React Native. Tuy nhiên, đề án này sẽ trình bày đủ các thông tin cả về React.

2.2 Lịch sử phát triển

Năm 2012 Mark Zuckerberg đã phát biểu: "Sai lầm lớn nhất của chúng tôi khi làm công ty là dựa trên quá nhiều HTML hơn là môi trường phát triển gốc". Ông hứa rằng Facebook sẽ sớm cung cấp trải nghiệm di động tốt hơn.

Kỹ sư Jordan Walke tại Facebook đã tìm ra cách xây dựng các thành phần UI cho iOS bằng một luồng JavaScript. Họ quyết định tổ chức cuộc thi Hackathon để hoàn thiện nguyên mẫu hệ thống để có thể xây dựng các ứng dụng di động gốc (native app) bằng công nghệ này.

Sau nhiều tháng phát triển, Facebook đã phát hành phiên bản đầu tiên cho React Native vào năm 2015. Trong một cuộc hội thảo công nghệ, Christopher Chedeau cho biết Facebook đã sử dụng React Native trong phát triển ứng dụng nhóm và ứng dụng

quản lí quảng cáo của họ.

Với cộng đồng phát triển ứng dụng lớn, ngày nay React Native trở thành framework được ưa chuộng trong việc xây dựng ứng dụng native.

2.3 Lý do React Native được ưa chuộng

Để biết tại sao React Native lại được ưa chuộng, ta đề cập đến các ứng dụng phổ biến trước đây là Hybrid Apps. Hybrid App được hiểu là ứng dụng được xây dựng dựa trên các công nghệ web phổ biến là CSS, Javascript, HTML. Như vậy, ứng dụng được xây dựng lớn, cần phát triển lâu dài thì sẽ không đảm bảo được hiệu năng.

Trong khi đó, React Native lại có những ưu điểm sau:

1. Tiết kiệm thời gian học: Việc học từng loại ngôn ngữ cho từng nền tảng thường rất khó và mất nhiều thời gian. Tuy nhiên với React Native, lập trình viên chỉ cần học duy nhất một bộ công cụ.
2. Tái sử dụng code: Trong lập trình phần mềm, React Native là công cụ tái sử dụng code hiệu quả nhất mang lại các lợi thế như duy trì ít code, tận dụng tốt nguồn nhân lực,...
3. Hot reloading: Khi phát triển ứng dụng, nhà phát triển không tốn quá nhiều thời gian để tổng hợp app mỗi khi có sự thay đổi mà chỉ cần làm mới app trong thiết bị hoặc giả lập

Chính vì lý do trên mà hiện nay, React Native đang dần trở thành lựa chọn số một cho công việc xây dựng app của hầu hết các công ty lớn. Cũng từ việc được ưa chuộng khiến cho cộng đồng phát triển lớn, từ đó tạo thành vòng lặp khiến các nhà phát triển mới tiếp cận đều chọn React Native.

2.4 Nguyên lý hoạt động

Về cơ bản, React Native hoạt động bằng cách tích hợp cho ứng dụng đi động 2 thread là JS thread và Main thread.

1. *Main thread*: giữ vai trò cập nhật giao diện người dùng UI và xử lý các tương tác của người dùng ngay sau đó.
2. *JS thread*: thực thi và xử lý các code JavaScript.

Hai thread này hoạt động độc lập với nhau và giao tiếp qua một cầu nối trung gian.

2.5 Một số ứng dụng sử dụng react native

Với việc được ưa chuộng và có cộng đồng phát triển lớn, thế giới càng ngày càng có nhiều ứng dụng sử dụng React Native ra đời. Một số ứng dụng có thể kể đến như sau:

1. *Facebook*: là công ty phát triển React Native, sau khi phát triển xong framework này, Meta đã chuyển đổi tính năng Event Dashboard cho iOS sang React Native để kiểm tra hiệu suất ứng dụng, từ đó cắt giảm thời gian tìm hiểu thị trường đi một nửa
2. *Facebook Ads*: Đến thời điểm hiện tại, tất cả ứng dụng quảng cáo trên Facebook đều được sử dụng React Native.
3. *Instagram*: Sau khi được Meta mua lại, ứng dụng này cũng được chuyển đổi sử dụng React Native, cụ thể chế độ Push Notifications đã được triển khai dưới dạng WebView và không yêu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng Navigation vì UI khá đơn giản.

3 Xây dựng ứng dụng Android với React Native

3.1 Thiết lập môi trường

Để bắt đầu xây dựng một ứng dụng React Native, ta cần cài đặt môi trường lập trình trên thiết bị của mình. Cụ thể cần: NodeJS, JDK, ReactNativeCLI, Android Studio.

3.1.1 NodeJS

a. Định nghĩa

NodeJS là một nền tảng (platform) cung cấp môi trường runtime chạy JavaScript, được sử dụng để chạy các ứng dụng web bên ngoài client. Nền tảng này được phát triển bởi Ryan Dahl vào năm 2009, được xem là một giải pháp hoàn hảo cho các ứng dụng sử dụng nhiều dữ liệu nhờ vào mô hình hướng sự kiện (event-driven) không đồng bộ.

b. Chức năng đối với React Native App

NodeJS cung cấp các package để xây dựng ứng dụng React Native.

c. Cài đặt

Link cài đặt: <https://nodejs.org/en/download/>

Có thể cài bằng các dòng lệnh thông qua terminal (phụ thuộc vào hệ điều hành của thiết bị):

- Windows: `choco install -y nodejs-lts`
- MacOS: `brew install node` | `brew install watchman`
- Linux: `apk add nodejs npm`

Sau khi cài đặt xong, có thể kiểm tra lại bằng cách chạy dòng lệnh trong terminal:

```
C:\Users\admin>node -v
v16.18.0

C:\Users\admin>npm -v
8.19.2

C:\Users\admin>npx -v
8.19.2
```

3.1.2 JDK

a. Định nghĩa

JDK (Java Development Kit) là một trong ba gói công nghệ cốt lõi được sử dụng trong lập trình Java: JVM (Máy ảo Java - Java Virtual Machine), JRE (Java Runtime Environment - Môi trường Java Runtime), JDK.

Có thể định nghĩa JDK theo 2 cách sau:

- *Định nghĩa chuyển ngành*: JDK là một hệ tiêu chuẩn trong việc triển khai nền tảng Java, bao gồm các trình thông dịch và thư viện lớp.
- *Định nghĩa thông thường*: JDK là gói phần mềm bạn tải xuống để tạo các ứng dụng dựa trên Java.

b. Chức năng đối với React Native App

Như đã trình bày ở phần kiến trúc Android, tầng Android Runtime cần trình biên dịch Java để compile ra các lớp.

c. Cài đặt

Link cài đặt: <https://www.oracle.com/eg/java/technologies/downloads/>

Có thể cài bằng các dòng lệnh thông qua terminal (phụ thuộc vào hệ điều hành của thiết bị):

- Windows: `choco install -y microsoft-openjdk11`
- MacOS: `brew install java`
- Linux: `sudo apt install default-jdk`

Sau khi cài đặt xong, có thể kiểm tra lại bằng cách chạy dòng lệnh trong terminal:

```
C:\Users\admin>java --version
openjdk 11.0.17 2022-10-18
OpenJDK Runtime Environment OpenLogic-OpenJDK (build 11.0.17+8-adhoc..jdk11)
OpenJDK 64-Bit Server VM OpenLogic-OpenJDK (build 11.0.17+8-adhoc..jdk11)
```

3.1.3 ReactNativeCLI

3.1.4 Android Studio

3.2 Xây dựng chương trình đầu tiên

3.3 Các khái niệm, thành phần

3.4 Một số thư viện phổ biến

3.5 Phát hành ứng dụng